

Số: 638/QĐ-ĐHQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành khung chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Căn cứ Quyết định số 260/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên;

Căn cứ Quy chế đào tạo Thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 160/QĐ-ĐHQG ngày 24/3/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Tp.HCM;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học tại tờ trình ngày 28/6/2019 về việc ban hành khung chương trình đào tạo cho các ngành đào tạo Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành khung chương trình đào tạo ngành Thạc sĩ Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp (đính kèm quyết định này).

Điều 2. Khung chương trình đào tạo được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2019 trở về sau.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học, Trưởng Bộ môn Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp, các phòng chức năng và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VT, ĐTSĐH.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Tiến Khoa

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Ngành: Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (8520118)

Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019

(Ban hành kèm quyết định số 638/QĐ-ĐHQT ngày 28 tháng 06 năm 2019)

1. Loại chương trình đào tạo

- Chương trình nghiên cứu (phương thức 1)
- Chương trình định hướng nghiên cứu (phương thức 2)

2. Khung chương trình

a. Thời gian đào tạo:

Đối tượng người học	Số tín chỉ tốt nghiệp ở bậc đại học	Thời gian đào tạo chính thức
Nhóm đối tượng 1 (NĐT 1)	≥ 135 tín chỉ	$\geq 1,5$ năm
Nhóm đối tượng 2 (NĐT 2)	≥ 120 tín chỉ	2 năm

b. Cấu trúc chương trình đào tạo:

Loại chương trình	Đối tượng	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ				
			KT bổ sung	KT chung	KT bắt buộc	KT tự chọn	Luận văn
Chương trình nghiên cứu	ĐT1	45	0	3	8	3	31
	ĐT2	61	16	3	8	3	31
Chương trình định hướng nghiên cứu	ĐT1	45	0	3	8	18	16
	ĐT2	61	16	3	8	18	16

c. Khung chương trình đào tạo chi tiết:

- Chương trình nghiên cứu cho đối tượng 1

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ			Học kì	Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng cộng		
Part 1: General knowledge (4 credits)				3		
PE505	Philosophy*	3	0	3	1	
Part 2: Basement knowledge				8		
Compulsory courses (2 credits)				2		
ISE002IU	Research Methodology	2	0	2	1	
ISE Compulsory courses (6 credits)				6		
ISE502IU	Deterministic Optimization Models	2	1	3	1	
ISE503IU	Stochastic Models	2	1	3	1	
Part 3: Specialized knowledge				3		
3.1 Compulsory courses of Industrial Engineering field				3		
ISE508IU	Production Planning and Scheduling	2	1	3	2	
3.2 Compulsory course of Supply Chain and Logistics field				3		
ISE509IU	Supply Chain Systems	2	1	3	2	
Part 4: Thesis (31 credits)				31	3	
Thesis				31		
Total (part I+II+III+IV)				45		

Lưu ý:

* Đối với sinh viên quốc tế, môn Philosophy (Triết học) sẽ được thay thế bằng môn Vietnamese History Culture (Lịch sử văn hóa Việt Nam).

** Đối với các môn tự chọn, bên cạnh những môn tự chọn về kiến thức chuyên ngành được cung cấp ở bảng trên, sinh viên có thể chọn môn học của các định hướng nghiên cứu khác trong khung chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp.

- Chương trình định hướng nghiên cứu cho đối tượng 1

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ			Học kì	Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng cộng		
Part 1: General knowledge (4 credits)				3		
PE505	Philosophy*	3	0	3	1	
Part 2: Basement knowledge				8		
Compulsory courses (2 credits)				2		
ISE002IU	Research Methodology	2	0	2	1	
ISE Compulsory courses (6 credits)				6		
ISE502IU	Deterministic Optimization Models	2	1	3	1	
ISE503IU	Stochastic Models	2	1	3	1	
Part 3: Specialized knowledge				18		
3.1 Compulsory courses of Industrial Engineering field				3		
ISE508IU	Production Planning and Scheduling	2	1	3	2	
Specialized elective courses (15 credits)				15		
ISE501IU	Production and Service Analysis	2	1	3	1	
ISE504IU	System Modeling and Simulation	2	1	3	2	
ISE507IU	Facility Layout and Location	2	1	3	2	
ISE505IU	Multi Criteria Decision Making	2	1	3	1 or 2	
ISE506IU	Inventory Control and Management	2	1	3	1 or 2	
ISE610IU	Lean Production	2	1	3	1 or 2	
ISE601IU	Engineering Economics	2	1	3	1 or 2	
3.2 Compulsory course of Supply Chain and Logistics field				3		
ISE509IU	Supply Chain Systems	2	1	3	2	

<i>Specialized elective courses (15 credits)</i>				15		
ISE504IU	System Modeling and Simulation	2	1	3	2	
ISE508IU	Production Planning and Scheduling	2	1	3	2	
ISE501IU	Production and Service Analysis	2	1	3	1	
ISE505IU	Multi Criteria Decision Making	2	1	3	1 or 2	
ISE506IU	Inventory Control and Management	2	1	3	1 or 2	
ISE605IU	Transportation Economics	2	1	3	1 or 2	
ISE615IU	International Transportation	2	1	3	1 or 2	
Part 4: Thesis (16 credits)				16	3	
<i>Thesis</i>				<i>16</i>		
Total (part I+II+III+IV)				45		

Lưu ý:

* Đối với sinh viên quốc tế, môn Philosophy (Triết học) sẽ được thay thế bằng môn Vietnamese History Culture (Lịch sử văn hóa Việt Nam).

** Đối với các môn tự chọn, bên cạnh những môn tự chọn về kiến thức chuyên ngành được cung cấp ở bảng trên, sinh viên có thể chọn môn học của các định hướng nghiên cứu khác trong khung chương trình đào tạo Thạc sỹ ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp.

• Chương trình nghiên cứu cho đối tượng 2

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ			Học kì	Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng cộng		
Part 1: Additional Knowledge (16Credits)				16		
IS004IU	Engineering Probability & Statistics	4	0	4		
IS019IU	Production Management	3	0	3		
ISE603IU	Total Quality Management	3	0	3		
ISE609IU	Project Management	3	0	3		
ISE612IU	Experimental Design	3	0	3		
Part 2: General knowledge (3 credits)				3		

PE505	Philosophy*	3	0	3	1	
Part 3: Basement knowledge				8		
<i>Compulsory courses (2 credits)</i>				2		
ISE002IU	Research Methodology	2	0	2	1	
<i>ISE Compulsory courses (6 credits)</i>				6		
ISE502IU	Deterministic Optimization Models	2	1	3	1	
ISE503IU	Stochastic Models	2	1	3	1	
Part 4: Specialized knowledge				3		
<i>4.1 Compulsory courses of Industrial Engineering field</i>				3		
ISE508IU	Production Planning and Scheduling	2	1	3	2	
<i>4.2 Compulsory course of Supply Chain and Logistics field</i>				3		
ISE509IU	Supply Chain Systems	2	1	3	2	
Part 5: Thesis (31 credits)				31	3	
<i>Thesis</i>				31		
Total (part I+II+III+IV+V)				61		

Lưu ý:

* Đối với sinh viên quốc tế, môn Philosophy (Triết học) sẽ được thay thế bằng môn Vietnamese History Culture (Lịch sử văn hóa Việt Nam).

** Đối với các môn tự chọn, bên cạnh những môn tự chọn về kiến thức chuyên ngành được cung cấp ở bảng trên, sinh viên có thể chọn môn học của các định hướng nghiên cứu khác trong khung chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp.

• Chương trình định hướng nghiên cứu cho đối tượng 2

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ			Học kì	Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng cộng		

Part 1: Additional Knowledge (16Credits)				16		
IS004IU	Engineering Probability & Statistics	4	0	4		
IS019IU	Production Management	3	0	3		
ISE603IU	Total Quality Management	3	0	3		
ISE609IU	Project Management	3	0	3		
ISE612IU	Experimental Design	3	0	3		
Part 2: General knowledge (4 credits)				3		
PE505	Philosophy*	3	0	3	1	
Part 3: Basement knowledge				8		
Compulsory courses (2 credits)				2		
ISE002IU	Research Methodology	2	0	2	1	
ISE Compulsory courses (6 credits)				6		
ISE502IU	Deterministic Optimization Models	2	1	3	1	
ISE503IU	Stochastic Models	2	1	3	1	
Part 4: Specialized knowledge				18		
4.1 Compulsory courses of Industrial Engineering field				3		
ISE508IU	Production Planning and Scheduling	2	1	3	2	
Specialized elective courses (15 credits)				15		
ISE501IU	Production and Service Analysis	2	1	3	1	
ISE504IU	System Modeling and Simulation	2	1	3	2	
ISE507IU	Facility Layout and Location	2	1	3	2	
ISE505IU	Multi Criteria Decision Making	2	1	3	1 or 2	
ISE506IU	Inventory Control and Management	2	1	3	1 or 2	
ISE610IU	Lean Production	2	1	3	1 or 2	

ISE601IU	Engineering Economics	2	1	3	1 or 2	
4.2 Compulsory course of Supply Chain and Logistics field				3		
ISE509IU	Supply Chain Systems	2	1	3	2	
Specialized elective courses (15 credits)				15		
ISE504IU	System Modeling and Simulation	2	1	3	2	
ISE508IU	Production Planning and Scheduling	2	1	3	2	
ISE501IU	Production and Service Analysis	2	1	3	1	
ISE505IU	Multi Criteria Decision Making	2	1	3	1 or 2	
ISE506IU	Inventory Control and Management	2	1	3	1 or 2	
ISE605IU	Transportation Economics	2	1	3	1 or 2	
ISE615IU	International Transportation	2	1	3	1 or 2	
Part 5: Thesis (16 credits)				16	3	
Thesis				16		
Total (part I+II+III+IV+V)				61		

Lưu ý:

* Đối với sinh viên quốc tế, môn Philosophy (Triết học) sẽ được thay thế bằng môn Vietnamese History Culture (Lịch sử văn hóa Việt Nam).

** Đối với các môn tự chọn, bên cạnh những môn tự chọn về kiến thức chuyên ngành được cung cấp ở bảng trên, sinh viên có thể chọn môn học của các định hướng nghiên cứu khác trong khung chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp.



HIỆU TRƯỞNG *ml*

Trần Tiến Khoa

HỒ CHÍ MINH